

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn, quyền
nuôi con và cấp dưỡng nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Lê Thị Phương Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc: tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1979; HKTT: Tổ 3, ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Đình H, sinh năm 1979; HKTT: Tổ 3, ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà P có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông H đã được triệu tập đến lần thứ hai H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 02/5/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông H chung sống với nhau từ năm 1999. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/01/1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H có tính côn đồ, thường xuyên uống rượu, chửi mắng, sỉ nhục bà P với những lời rất thô tục, thường dùng bạo lực đánh bà P và các con gây thương tích. Ngoài ra, ông H còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà P biết được và có khuyên ngăn H ông H không thay đổi mà còn đe dọa bà P. Hiện nay, bà P thấy tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà P với ông H có 03 con chung tên Hồ Thị P1, sinh năm 1999; Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Thị A và Hồ Thị Quỳnh D. Theo đơn xin ly hôn, bà P yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000 đồng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà P xác định chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Thị Quỳnh D mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng đối với con chung Hồ Thị A. Đối với con chung Hồ Thị P1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P xác định hiện nay bà P đang làm công nhân cho Công ty GREAT PROCESS(VN) có địa chỉ tại đường 3/2, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương với mức lương khoảng 6.500.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà P cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 02/5/2018 của bà P; bản sao giấy CMND và Sổ hộ khẩu của bà P; bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012, bản tự khai ngày 11/5/2018 bà P. Ngoài ra, bà P không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Tại bản tự khai ngày 11/5/2018, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông Hồ Đình H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông H thống nhất ý kiến với bà P về quá trình chung sống với nhau từ năm 1999. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/01/1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông H vẫn còn thương yêu vợ thương con, sợ ly hôn sau này con cái sẽ khổ nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông H thống nhất với bà P về quá trình chung sống, ông H với bà P có 03 con chung tên Hồ Thị P, sinh năm 1999; Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012. Trương hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Hồ Thị A, Hồ Thị Quỳnh D và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông H đang làm thợ hồ với mức thu nhập khoảng 6.300.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bị đơn ông H cung cấp: Bản tự khai ngày 11/5/2018. Ngoài ra, ông H không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** *Tại bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa con chung Hồ Thị A trình bày*:**

Trường hợp ông H và bà P ly hôn thì cháu An có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Bùi Thị P.

*** *Xác minh và làm việc của Tòa án*:**

TAND huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P với ông H, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng, ông H là người không chung thủy, ông H có người phụ nữ khác, bà P vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên cố níu kéo ông H không được. Ngoài ra, ông H còn có hành vi bạo lực gia đình, ngược đãi bà P và các con. Hiện, bà P và các con chung đã không còn ở chung với ông H.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến*:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà P và con chung Hồ Thị A. Bị đơn ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. H có tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông H là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao 02 con chung tên Hồ Thị A và Hồ Thị Quỳnh D cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông H cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Thị Quỳnh D mức 700.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai H vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn ông H để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn ông H tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà P khởi kiện bị đơn ông H về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012, đồng thời yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Thị Quỳnh D mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/5/2018, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Thị A và Hồ Thị Quỳnh D, đồng thời yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000 đồng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà P xác định chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Thị Quỳnh D mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng đối với con chung Hồ Thị A. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà P.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P với ông H chung sống với nhau từ năm 1999. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/01/1999. Hôn nhân giữa bà P và ông H là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà P và ông H thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác, ông H có hành vi ngược đãi, bạo hành gia đình. Bà P xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn nên không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Ngược lại, ông H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ xác định lời trình bày của bà P là phù hợp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy mâu

thuần vợ chồng giữa bà P với ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của bà P với ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà P với ông H có 03 con chung tên Hồ Thị P1, sinh năm 1999; Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Thị A và Hồ Thị Quỳnh D, đồng thời yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Thị Quỳnh D với số tiền 700.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, ông H có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Thị A và Hồ Thị Quỳnh D và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H yêu cầu được nuôi con chung H theo kết quả xác minh thu thập chứng cứ thì ông H thường có hành vi bạo lực đối với các con. Mặc khác cháu Hồ Thị A đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ là bà P. Đối với con chung là Hồ Thị Quỳnh D, hiện cháu chỉ 06 tuổi, là con gái nên mẹ sẽ dễ dàng chăm sóc cho con hơn cha. Theo quy định tại Điều 81, 82, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, bà P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

[4.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà P yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận bản thân làm thợ hồ với thu nhập mỗi tháng 6.300.000 đồng. Theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Với mức thu nhập như ông H thừa nhận thì mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà P đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như đề xuất hướng giải quyết đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông H phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà Bùi Thị P đối với ông Hồ Đình H, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị P được ly hôn đối với ông Hồ Đình H.

2. *Về con chung*: Bà Bùi Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Hồ Thị A, sinh ngày 16/8/2001 và Hồ Thị Quỳnh D, sinh ngày 17/12/2012. Ông Hồ Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Thị Quỳnh D với số tiền 700.000 đồng (bảy trăm đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí:

1. Bà Bùi Thị P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011757 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Hồ Đình H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11.7.2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng